

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU ĐỨC
TỈNH BÀ RỊA VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 20-12-2021

V/v “tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU ĐỨC, TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Văn Tiến.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Thị Hạnh;

Ông Bùi Huy Xuân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Hiệp - Thư ký Tòa án huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Hồng Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 12 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Đức tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 293/2021/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 11 năm 2021 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2021/QĐXX-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Trương Cao H, sinh năm: 1972 (Vắng mặt, Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ 3, ấp L, xã B, huyện C, tỉnh B.

Bị đơn: Bà Trần Bích L, sinh năm: 1973 (Vắng mặt, Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ 3, ấp L, xã B, huyện C, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các biên bản làm việc, nguyên đơn ông Trương Cao H trình bày:

Ông H và bà Trần Bích L tìm hiểu nhau rồi đi đến kết hôn với nhau và đăng ký kết hôn vào ngày 18 tháng 11 năm 1997 tại UBND xã B, huyện C, tỉnh B. Thời

gian đầu chung sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc nhưng sau đó thì nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không tôn trọng lẫn nhau, không quan tâm lo lắng cho nhau, vợ chồng thường xuyên cãi vã, xúc phạm nhau, nhiều lần còn đánh nhau, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, kéo dài không thể hàn gắn được và ông H, bà L đã ly thân từ tháng 6 năm 2021 đến nay. Nay ông H cảm thấy không còn tình cảm vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông H yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông H được ly hôn với bà L. Về con chung: Trong quá trình chung sống thì giữa ông H với bà L có 04 người con chung là cháu Trương Kiều O, sinh ngày 17 tháng 10 năm 1998; cháu Trương Mộng Quỳnh G, sinh ngày 06 tháng 6 năm 2003; cháu Trương Hoàng Tuấn K, sinh ngày 30 tháng 4 năm 2005 và cháu Trương Hoàng Thảo N, sinh ngày 11 tháng 01 năm 2011. Hiện nay cháu Trương Kiều O và cháu Trương Mộng Quỳnh G đã trưởng thành trên 18 tuổi. Nếu ly hôn ông H đồng ý giao cho bà L được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Trương Hoàng Tuấn K và cháu Trương Hoàng Thảo N. Ông H đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung số tiền 2.000.000đ/01 cháu/01 tháng để cho bà L nuôi dưỡng cháu K và cháu N, thời gian cấp dưỡng kể từ khi bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Về tài sản chung và nợ chung: Ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong biên bản lấy lời khai và các biên bản làm việc tại Tòa án, bị đơn bà Trần Bích L, trình bày:

Bà L và ông Trương Cao H tìm kiếm nhau rồi đi đến kết hôn với nhau và đăng ký kết hôn vào ngày 18 tháng 11 năm 1997 tại UBND xã B, huyện C, tỉnh B. Thời gian đầu chung sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc nhưng sau đó thì nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không tôn trọng lẫn nhau, không quan tâm lo lắng cho nhau, vợ chồng thường xuyên cãi vã, xúc phạm nhau, nhiều lần ông H còn đánh bà L, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, kéo dài và ông H, bà L đã sống ly thân từ tháng 06 năm 2021 đến nay. Nay bà L cảm thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được tuy nhiên ông H yêu cầu ly hôn với bà L thì bà L không đồng ý ly hôn vì lý do bà L theo đạo thiên chúa giáo. Về con chung: Trong quá trình chung sống thì giữa ông H với bà L có 04 người con chung là cháu Trương Kiều O, sinh năm 1998; cháu Trương Mộng Quỳnh G, sinh năm 2003; cháu Trương Hoàng Tuấn K, sinh ngày 30 tháng 4 năm 2005 và cháu Trương Hoàng Thảo N, sinh ngày 11 tháng 01 năm 2011. Hiện nay cháu Trương Kiều O và cháu Trương Mộng Quỳnh G đã trưởng thành trên 18 tuổi. Nếu ly hôn bà L có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Trương Hoàng Tuấn K và cháu Trương Hoàng Thảo N. Bà L yêu cầu ông Trương Cao H phải cấp dưỡng

nuôi con chung số tiền 2.000.000đ/01 tháng/01 cháu để cho bà L nuôi dưỡng cháu K và cháu N, thời gian cấp dưỡng kể từ khi bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Trần Bích L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật của người tiến hành tố tụng, tham gia tố tụng và quan điểm giải quyết vụ án:

Về việc chấp hành pháp luật của những người tiến hành tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Châu Đức thụ lý vụ án đúng theo thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật về nội dung tranh chấp, thu thập đầy đủ chứng cứ và xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự. Hội đồng xét xử thực hiện đúng nguyên tắc xét xử trong phiên tòa sơ thẩm.

Về việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn ông Trương Cao H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông Trương Cao H và bà Trần Bích L có đăng ký kết hôn, nay ông H xin ly hôn nên đây là tranh chấp về ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Hiện bị đơn bà Trần Bích L đang cư trú tại xã B, huyện C, tỉnh B, căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015 vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Châu Đức.

[2] Tại phiên tòa hôm nay ông Trương Cao H và bà Trần Bích L vắng mặt nhưng đã có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt và giữ nguyên ý kiến yêu cầu của mình trong các biên bản làm việc, bản khai tại Tòa án nên Tòa án nhân dân huyện Châu Đức căn cứ vào Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt đối với ông H và bà L.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Ông Trương Cao H và bà Trần Bích L cùng thừa nhận ông H và bà L kết hôn với nhau trên tinh thần tự nguyện có đăng ký kết hôn ngày 18 tháng 11 năm 1997 tại UBND xã Bình Giả, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Thời gian đầu chung sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc nhưng sau đó thì nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan

điểm sống, vợ chồng không tôn trọng lẫn nhau, không quan tâm lo lắng cho nhau, vợ chồng thường xuyên cãi vã, xúc phạm nhau, nhiều lần ông H còn đánh bà L, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, kéo dài và ông H, bà L đã sống ly thân từ tháng 06 năm 2021 đến nay.

Vì cảm thấy không còn tình cảm vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông H yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông H được ly hôn với bà L. Tuy thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn trầm trọng, không còn tình cảm vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được nhưng bà L không đồng ý ký ly hôn vì lý do bà L theo đạo Thiên chúa giáo. Bà L đề nghị Tòa án xét xử ly hôn đơn phương cho ông H.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã nhiều lần thông báo, triệu tập các bên đến trụ sở Tòa án để hoà giải, nhưng ông H và bà L vẫn không thống nhất, hàn gắn, đoàn tụ được.

Thông qua phân xác nhận quá trình hôn nhân, mâu thuẫn vợ chồng của cả nguyên đơn và bị đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy có cơ sở xác định mâu thuẫn vợ chồng của nguyên đơn và bị đơn là trầm trọng, cả hai không có tiếng nói chung, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình chấp nhận cho ông H được ly hôn với bà L.

[4] Về con chung: Ông Trương Cao H và bà Trần Bích L có 04 người con chung là cháu Trương Kiều O, sinh năm 1998; cháu Trương Mộng Quỳnh G, sinh năm 2003; cháu Trương Hoàng Tuấn K, sinh ngày 30 tháng 4 năm 2005 và cháu Trương Hoàng Thảo N, sinh ngày 11 tháng 01 năm 2011. Hiện nay cháu Trương Kiều O và cháu Trương Mộng Quỳnh G đã trưởng thành trên 18 tuổi.

Nhận thấy trong quá trình giải quyết vụ án ông Hòa và bà L đều thống nhất thỏa thuận giao cho bà L được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Trương Hoàng Tuấn K và cháu Trương Hoàng Thảo N. Đồng thời cháu K và cháu N cũng có nguyện vọng được sống chung với bà L. Vì vậy cần ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự và nguyện vọng của con chung, giao cho bà Trần Thị Liễu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 02 người con chung là cháu Trương Hoàng Tuấn K và cháu Trương Hoàng Thảo N.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông Trương Cao H và bà Trần Bích L cùng thống nhất thỏa thuận **ông Trương Cao H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung số tiền 2.000.000đ/01 cháu/01 tháng để cho bà L nuôi dưỡng 02 người con chung là cháu K và cháu N. Thời gian cấp dưỡng kể từ khi bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu K và cháu N đủ 18 tuổi.**

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Ông Trương Cao H và bà Trần Bích L không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét về tài sản chung và nợ chung.

[6] Về án phí: Vì ông Trương Cao H là người có nghĩa vụ cấp dưỡng, đồng thời ông H và bà L đã thỏa thuận được với nhau về mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng trước khi mở phiên tòa sau đó yêu cầu Tòa án ghi nhận trong bản án nên ông H phải chịu án phí cấp dưỡng là 50% mức án phí dân sự sơ thẩm như đối với trường hợp vụ án dân sự không có giá ngạch; Ông Trương Cao H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch đối với yêu cầu ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Căn cứ vào Điều 56, 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117 và 118 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án, lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

Về hôn nhân: Xử cho ông Trương Cao H được ly hôn với bà Trần Bích L.

Về con chung: Bà Trần Bích L được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 02 người con chung là cháu Trương Hoàng Tuấn K, sinh ngày 30 tháng 4 năm 2005 và cháu Trương Hoàng Thảo N, sinh ngày 11 tháng 01 năm 2011.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông Trương Cao H **có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung số tiền 2.000.000đ/01 cháu/01 tháng để cho bà L nuôi dưỡng 02 người con chung là cháu K và cháu N. Thời gian cấp dưỡng kể từ khi bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu K và cháu N đủ 18 tuổi.**

Ông Trương Cao H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

Về án phí: Ông Trương Cao H phải nộp 450.000đ (Bốn trăm năm mươi ngàn đồng) trong đó bao gồm 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí đối với yêu cầu ly hôn và 150.000đ (một trăm năm mươi ngàn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007552, ngày 04 tháng 11 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Ông Trương Cao H còn phải nộp 150.000đ (một trăm năm mươi ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hạn kháng cáo 15 ngày kể từ ngày tuyên án (20/12/2021) các đương sự được quyền kháng cáo. Do ông H và bà L đều vắng mặt nên thời hạn này được tính từ ngày nhận được bản án do Tòa án tổng đạt hoặc niêm yết có quyền yêu cầu Tòa án tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử phúc.

(Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự).

Nơi nhận:

- TA Tỉnh;
- VKSND huyện Châu Đức;
- THADS huyện Châu Đức;
- UBND xã Bình Giã;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Văn Tiến